

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HS-ST

Ngày 21/10/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa:* Bà **Tạ Thị Xuân**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Thanh Quang**

2. Bà **Hồ Thị Bích Tuyền**

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*  
Ông **Lê Anh Vũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021, về tội “Trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

01/ **Nguyễn Hồng Đ**; sinh năm 1995 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Đường A, khu phố B, phường R, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Kim Ch; sinh năm 1969; Vợ tên Phạm Hồng Nh; sinh năm 1999 và có 01 người con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2021 cho đến ngày 06/7/2021 bị cáo được cho bảo lãnh tại ngoại, (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

02/ **Trịnh Lon R**; sinh năm 2000 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trịnh Kiên Th, sinh năm 1976 và bà Đoàn Kim Nh; sinh năm 1975; Vợ tên Tăng Thị Mỹ H, sinh năm 2001 và có 01 người con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2021, (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

03/ **Nguyễn Văn B**; sinh năm 1987 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: đường B, khu phố A, phường R, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; Vợ tên Châu Thị Hồng C, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2018.

Tiền án có 01 tiền án: Vào năm 2008 bị cáo bị Tòa án nhân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử 03 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Tại bản án số 198/2008/HS-ST ngày 09/12/2008.

Tiền sự: Không, tuy nhiên:

- Vào ngày 29/3/2006 bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đưa vào cơ sở giáo dục Cần Cát thời hạn 24 tháng, về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Hiện đã thi hành xong.

- Vào ngày 25/9/2012 bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đưa vào cơ sở giáo dục Cần Cát thời hạn 24 tháng, về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Hiện đã thi hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2021, (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:* Ông **Đỗ Hoàng S**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh **Nguyễn Duy Kh**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: Đường A, KP. B, phường R, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2/ Chị **Trần Kim C**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 06 giờ, ngày 16 tháng 02 năm 2021 Trịnh Lon R đang ở nhà của Nguyễn Văn B tại đường B, khu phố A, phường R, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Lúc này có Nguyễn Hồng Đ là bạn của R đi đến và rủ R đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì R đồng ý. Đ điều khiển xe Wave màu đen, cam không rõ biển số của Đ chở R ngồi phía sau đi đến khu dân cư thuộc ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Khi cả hai đi đến trước nhà của ông Đỗ Hoàng S ở cùng ấp thì thấy phía bên trong sân nhà của ông S có để 01 thùng loa kéo điện nhãn hiệu JBL màu vàng đen, kích thước 40 cm x 120 cm không có ai trông giữ (chiếc loa này ông S thuê của chị Trần Kim C, sinh năm 1989, nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang). Đ và R quyết định lấy trộm chiếc thùng loa trên, Đ dừng xe lại

để R xuống xe đi vào bên trong lén lút lấy trộm thùng loa rồi cả hai chở thùng loa bỏ đi.

Đ và R sau khi lấy trộm được thùng loa đã đem về nhà của B. B thấy R và Đ đem thùng loa về thì hỏi thùng loa của ai, R trả lời Thùng loa là do R và Đ lấy trộm có được và nhờ B bán giúp thùng loa trên. Mặc dù, biết rõ thùng loa là do Đ và R trộm cắp có được nhưng B vẫn mang thùng loa bán cho anh Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1990, cư trú: Đường A, KP. B, phường R, thành phố G, tỉnh Kiên Giang với giá 3.000.000 đồng, anh Kh do không biết thùng loa trên là do phạm tội mà có nên đã đồng ý mua. Sau khi bán được thùng Loa, B đưa cho Đ và R mỗi người 1.000.000 đồng, B lấy 1.000.000 đồng. Số tiền trên cả ba đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi vụ án xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành mời Đ, R và B về làm việc. Tại Cơ quan điều tra cả ba đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 11/KL-HĐTĐGTS ngày 04/3/2021 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thể hiện: 01 thùng loa kéo điện nhãn hiệu JBL màu vàng đen, kích thước 40 cm x 120 cm có giá 10.325.000 đồng (mười triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn B có một tình tiết tăng nặng là tái phạm, do có tiền án chưa được xóa án tích. Các bị cáo Nguyễn Hồng Đ và Trịnh Lon R không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Đ, R phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo đã khắc phục hậu quả theo yêu cầu của người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Về vật chứng trong vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ một thùng loa nhãn hiệu JBL màu vàng đen, kích thước 40 cm x 120 cm. Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Trần Kim C.

Đối với chiếc xe Wave màu đen, cam không rõ biển số của Đ dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Theo lời khai của Đ đã cho một người bạn tên Th mượn. Hiện tại không biết Th đang ở đâu vì vậy không thu hồi được chiếc xe trên.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị hại là ông Đỗ Hoàng S không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Kim C đã nhận lại chiếc Loa. Hiện không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Duy Kh yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường và đã bồi thường xong.

**Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKS-CT** ngày 18/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hồng Đ và Trịnh Lon R về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Hồng Đ và Trịnh Lon R phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, truy tố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

*Và đề nghị Hội đồng xét xử:*

01/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng Đ** từ 12 đến 15 tháng tù.

02/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trịnh Lon R** từ 12 đến 15 tháng tù.

03/ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B** từ 09 đến 12 tháng tù.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 06 giờ ngày 16/02/2021, Nguyễn Hồng Đ và Trịnh Lon R đi trộm cắp tài sản thì R đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe chở R đi dọc trên tuyến đường nông thôn thuộc ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Khi đi ngang qua nhà ông Đỗ Hoàng S cả hai phát hiện chiếc thùng loa kéo điện nhãn hiệu JBL màu vàng đen, kích thước 40 cm x 120 cm đang để ngoài sân. Quan sát thấy không có người nên cả hai lén lấy trộm chiếc thùng loa trên. Sau khi trộm xong, cả hai đem về nhà của Nguyễn Văn B ở thành phố G gửi. Tại đây, Đ và R nói cho B biết chiếc loa này là do trộm cắp có được đồng thời nhờ B tìm người bán lại thì B đồng ý. Sau đó, B đem thùng loa đến bán cho anh Nguyễn Duy Kh trú tại đường A, KP. B, phường R, thành phố G, tỉnh Kiên Giang được 3.000.000 đồng. B đem tiền về chia cho mỗi người 1.000.000 đồng và cả ba đã tiêu xài cá nhân hết. Theo kết quả định giá thì chiếc Loa mà các bị cáo lấy trộm của ông S có giá trị là 10.325.000 đồng.

Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng .... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*”.

Và khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự thì “*Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm....*”

Như vậy, căn cứ với các quy định trên thì hành vi của các bị cáo Đ và R đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, còn B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” như đã viện dẫn.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng đến lĩnh vực an ninh trật tự trên địa bàn nơi xảy ra vụ, gây bất an cho quần chúng nhân dân.

3.1 Trong vụ án này cho thấy, đối với Đ và R là người trưởng thành có đủ năng lực nhận thức được việc lấy trộm tài sản của người khác là hành vi sai trái và vi phạm pháp luật. Thế nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động mà muốn thụ hưởng thụ nên Đ đã chủ động rủ R đi tìm tài sản trộm và khi đi đến nhà ông S cả hai phát hiện trước sân có chiếc loa kéo điện nên đã lén lút lấy trộm rồi đem về nhà bị cáo B nhờ B bán dùm, lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị

cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây ảnh hưởng đến đời sống vật chất của bị hại, tạo dư luận xấu trong xã hội, gây bất ổn cho người dân trong việc bảo quản tài sản của mình.

Qua hồ sơ thể hiện, bị cáo Đ và R phạm tội khi có cùng 02 người trở lên và cố ý thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm nhưng do các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, giữa các bị cáo không có sự phân công cụ thể nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức. Do đó, việc đại diện VKS nhân dân huyện Châu Thành chỉ truy tố hai bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

3.2 Còn đối với bị cáo B, nhận thức được chứa chấp hay tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là hành vi vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì hám lợi nên khi được Đ và R nhờ bị cáo đem chiếc Loa trên đi bán bị cáo đã đồng ý. Mặc dù, biết rõ đây là tài sản trộm cắp nhưng bị cáo vẫn đem đi tiêu thụ bán cho anh Kh được 3.000.000 đồng. Sau đó, chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng tiêu xài cá nhân mà không nghĩ đến hậu quả gây ra nên bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận thống nhất cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm và cần tách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đ và R không có tình tiết tăng nặng. Riêng bị cáo B vào năm 2008 bị cáo đã 01 lần bị Tòa án xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích” đến nay vẫn chưa được xóa án mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Do đó, trong lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng thêm 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo B còn chưa thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra, vào năm 2006 và năm 2012 bị cáo cũng đã nhiều lần bị xử phạt hành chính, tuy đã chấp hành xong nhưng qua đây cũng cần xem xét về nhân thân xấu của bị cáo khi lượng hình mới là tương xứng.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo Đ và R có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bên cạnh đó, hai bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tài sản mất trộm đã được thu hồi và trao trả lại cho bị hại và các bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, bị cáo Đ và R được áp dụng chung các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo B được áp

dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX nghị án, thảo luận để xem xét hình phạt khi lượng hình đối với từng bị cáo nhằm có mức án phù hợp để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

7.1 Do tài sản bị mất trộm, bị hại ông Đỗ Hoàng S đã được nhận lại và ông S không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét

7.2 Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy Kh đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng, chị Trần Kim C đã nhận lại chiếc Loa. Do anh Kh và chị C không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng Đ và Trịnh Lon R phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

01/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng Đ 01 (một) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 11/3/2021 cho đến ngày 06/7/2021.

02/ Xử phạt bị cáo **Trịnh Lon R 01 (một) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 04/3/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm b khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

03/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B 01 (một) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 05/3/2021.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử buộc các bị cáo Nguyễn Hồng Đ, Trịnh Lon R và Nguyễn Văn B, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; người bị hại và NLQ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Xuân**



